

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index bật tăng ngay khi mới mở cửa và kết phiên tại mốc 1,261.28 điểm, tăng hơn 15 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Xây dựng và vật liệu,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường hôm nay phản ứng tích cực với thông tin liên quan đến bầu cử tổng thống Hoa Kỳ. Trong những phiên tới, VN-Index có thể tiếp tục đà hồi phục lên vùng 1,270 – 1,275, tuy nhiên, thanh khoản vẫn còn thấp, thị trường tiềm ẩn rủi ro đến từ áp lực chốt lời.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 06/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+15.52** điểm, đóng cửa tại **1261.28** điểm. HNX-Index **+2.90** điểm, đóng cửa tại **227.76** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+1.66)**, **CTG (+1.12)**, **BID (+0.90)**, **TCB (+0.77)**, **FPT (+0.72)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HVN (-0.13)**, **KDC (-0.05)**, **DHG (-0.04)**, **VFG (-0.02)**, **TIX (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12,077** tỷ đồng, tăng **47.74%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,156 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 11.87 điểm. Thị trường có **312** mã tăng, 61 mã tham chiếu, **56** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-384.50** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-150.05 tỷ)**, **MSN (-134.49 tỷ)**, **SSI (-67.19 tỷ)**, **VCB (-51.85 tỷ)**, **DBC (-51.24 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-74.02** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.01%**. Các mã diễn biến tích cực: **VHC (+1.87%)**, **POW (+0.87%)**, **PNJ (+0.86%)**.
- BSC50 **+0.25%**. Các mã diễn biến tích cực: **VTP (+4.47%)**, **EIB (+3.21%)**, **SIP (+2.64%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.01%	0.25%	0.08%	0.05%
1 tuần	-1.76%	-1.50%	-1.35%	-1.73%
1 tháng	-0.27%	-0.37%	-0.72%	-1.03%
3 tháng	3.35%	2.34%	3.29%	6.38%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,261.28	227.76	92.71
% 1D	1.25%	1.29%	0.88%
GTGD (tỷ VND)	12,077	947	505
%1D	47.74%	101.36%	50.90%
GDNN (tỷ VND)	-384.50	-74.02	2.23

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	42.54	VHM	-150.05
TCB	36.50	MSN	-134.49
STB	25.62	SSI	-67.19
KBC	20.62	VCB	-51.85
VND	19.53	DBC	-51.24

Thị trường thế giới

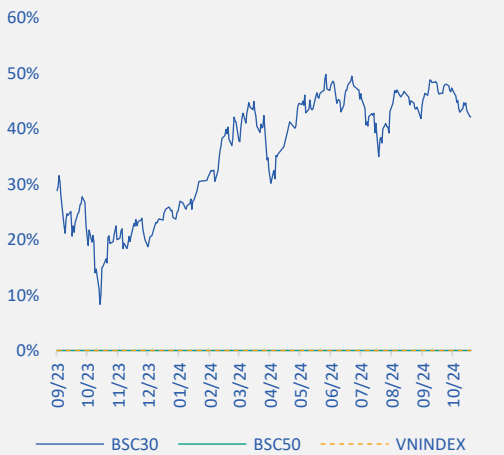
		%D	%W
SPX	5,783	1.23%	-0.86%
FTSE100	8,295	1.50%	1.66%
Eurostoxx	4,941	1.75%	0.93%
Shanghai	3,384	-0.09%	3.60%
Nikkei	39,429	2.16%	1.40%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	75.23	-0.32%
Giá vàng	2,746	
Tỷ giá		
USD/VND	25,470	0.04%
EUR/VND	28,235	-0.37%
JPY/VND	169	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.00%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



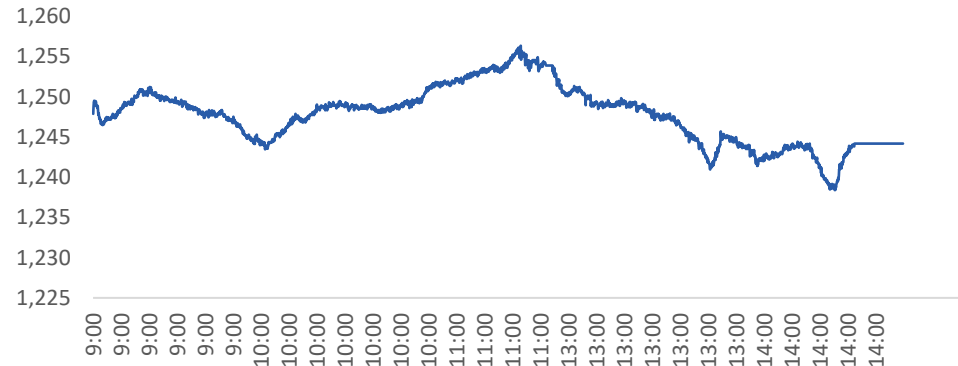
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2411	1341.00	1.67%	214,690	51.25%	11/21/2024	15
VN30F2412	1342.70	1.53%	406	244.07%	12/19/2024	43
VN30F2503	1342.20	1.45%	50	212.50%	3/20/2025	134
VN30F2506	1343.50	1.65%	52	44.44%	6/19/2025	225

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +16.21 điểm, đóng cửa tại 1329.56 điểm. Biên độ dao động 17.42 điểm. Các cổ phiếu như TCB, FPT, HPG, ACB, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên, chỉ số duy trì được sắc xanh trong toàn bộ phiên giao dịch. Thanh khoản thị trường đã ghi nhận sự cải thiện hơn so với phiên giao dịch trước đó tuy nhiên vẫn nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2411, VN30F2503,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2402	12/6/2024	30	1,122,300	-78.40%	1.50	1,330	11.8%	9.52	3.66	16.95	16.95
CHPG2342	11/21/2024	15	415,700	-73.02%	2.18	560	7.7%	2.73	7.27	26.95	26.95
CSTB2403	12/6/2024	30	6,500	-75.66%	3.00	1,410	6.0%	8.13	8.64	35.50	35.50
CHPG2402	5/21/2025	196	423,100	-74.77%	2.82	1,460	5.8%	8.88	6.80	26.95	26.95
CMBB2402	5/21/2025	196	1,573,600	-76.14%	2.35	1,830	5.8%	11.53	5.93	24.85	24.85
CMBB2404	3/6/2025	120	239,800	-78.15%	2.35	1,540	5.5%	11.27	5.43	24.85	24.85
CVPB2401	5/21/2025	196	513,700	-78.67%	1.99	1,180	4.4%	9.43	4.23	19.85	19.85
CVHM2402	3/6/2025	120	39,000	-72.97%	4.15	1,770	4.1%	9.37	11.23	41.55	41.55
CSTB2402	5/21/2025	196	1,385,500	-71.94%	3.00	2,320	3.6%	10.86	9.96	35.50	35.50
CVPB2403	3/6/2025	120	178,600	-78.44%	1.90	1,190	3.5%	8.99	4.28	19.85	19.85
CMBB2315	1/9/2025	64	131,500	-67.40%	1.96	1,570	3.3%	5.85	8.10	24.85	24.85
CFPT2314	1/9/2025	64	685,200	-56.70%	8.64	5,750	2.9%	14.60	58.28	134.60	134.60
CVIB2305	1/9/2025	64	95,300	-78.48%	1.78	460	2.2%	3.48	4.00	18.60	18.60
CSTB2404	3/6/2025	120	2,070,000	-74.25%	3.10	1,510	1.3%	8.11	9.14	35.50	35.50
CSTB2337	11/21/2024	15	21,700	-69.52%	2.70	1,160	0.9%	4.69	10.82	35.50	35.50
CMWG2314	1/9/2025	64	1,411,700	-69.00%	5.16	1,530	0.7%	6.10	20.34	65.60	65.60
CVNM2401	5/21/2025	196	750,300	-75.60%	6.38	1,250	0.0%	7.70	16.05	65.80	65.80
CMWG2403	3/6/2025	120	353,700	-78.75%	6.45	1,510	0.0%	11.94	13.94	65.60	65.60
CMWG2401	5/21/2025	196	21,200	-77.68%	6.55	2,040	0.0%	14.92	14.64	65.60	65.60
CFPT2317	11/21/2024	15	32,400	-59.07%	8.72	3,580	-1.6%	9.72	55.09	134.60	134.60

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 06/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2332 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 50.00%. CFPT2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.49%.
- CFPT2314, CFPT2317, CMBB2315, CMWG2314, và CSTB2337 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2405, CSTB2333, CVNM2315, CVNM2403, và CMWG2401 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	23.90	1.92%	2.05
FPT	134.60	1.51%	2.00
HPG	26.95	1.70%	1.57
ACB	25.10	1.41%	1.39
STB	35.50	1.87%	1.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	65.60	0.00%	0.00
BVH	44.15	0.34%	0.01
PLX	40.15	0.25%	0.01
SAB	55.80	0.54%	0.04
GAS	70.10	0.72%	0.06

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	33.75	5.14%	1.66	4.00
CTG	35.90	2.43%	1.12	5.37
BID	48.05	1.37%	0.90	5.70
TCB	23.90	1.92%	0.77	7.05
FPT	134.60	1.51%	0.72	1.47

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	58.00	4.50%	0.60	0.33
MBS	29.30	3.90%	0.44	0.55
VCS	62.90	2.95%	0.21	0.16
NTP	58.80	3.70%	0.20	0.13
PVS	38.10	1.06%	0.14	0.48

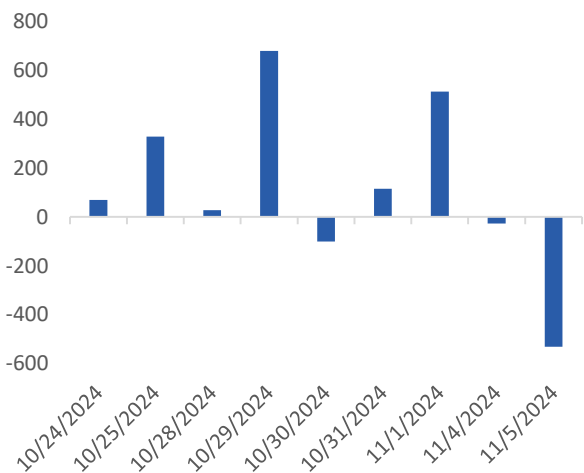
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	22.55	-1.10%	-0.13	2.21
KDC	50.00	-1.57%	-0.05	0.29
DHG	102.40	-1.35%	-0.04	0.13
VFG	87.00	-2.25%	-0.02	0.04
TIX	32.60	-6.86%	-0.02	0.03

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	52.50	-0.76%	-0.06	0.20
VIF	16.10	-0.62%	-0.02	0.35
TPP	10.50	-5.41%	-0.02	0.05
WCS	260.00	-3.70%	-0.02	0.00
VHL	9.60	-9.43%	-0.02	0.03

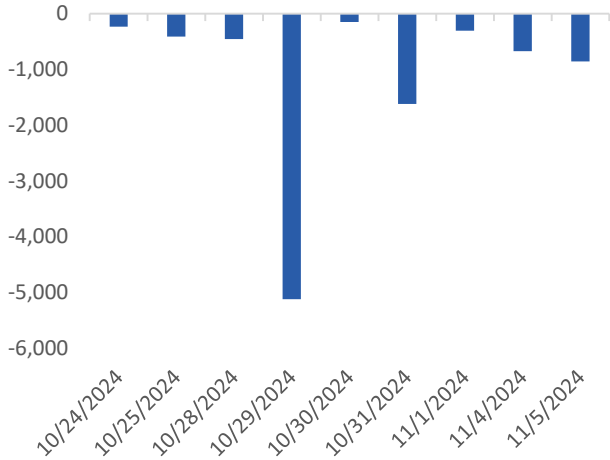
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	92.9	0.30%	0.7	20,515	5.2	6,194	15.0	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	48.0	1.40%	1.4	10,822	2.1	4,106	11.7	-	17.0%	Link
VPB	Ngân hàng	19.8	0.80%	1.0	6,222	12.7	1,663	11.9	-	25.4%	Link
TCB	Ngân hàng	23.9	1.90%	1.3	6,652	14.8	3,207	7.5	-	22.2%	Link
MBB	Ngân hàng	24.8	1.60%	1.1	5,210	6.4	4,021	6.2	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	35.5	1.90%	1.3	2,644	9.7	4,640	7.7	-	23.5%	Link
CTG	Ngân hàng	35.9	2.40%	1.5	7,617	5.0	4,035	8.9	-	296.6%	Link
ACB	Ngân hàng	25.1	1.40%	0.8	4,430	6.2	3,638	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	26.4	1.10%	1.4	2,050	11.2	1,490	17.8		39.2%	Link
IDC	Xây dựng	58.0	4.50%	1.1	756	9.4	6,634	8.7	65,700	23.5%	Link
HPG	Xây dựng	27.0	1.70%	1.1	6,811	22.4	1,905	14.1	41,500	21.9%	Link
HSG	VLXD	20.4	1.80%	1.5	499	2.9	828	24.6	25,300	10.8%	Link
VHM	BĐS	41.6	0.10%	0.8	7,148	24.7	4,700	8.8	108,300	13.6%	Link
KDH	BĐS	33.4	1.40%	1.2	1,334	2.2	522	64.0	44,500	31.8%	Link
NLG	BĐS	39.9	1.10%	1.3	607	1.4	793	50.3	-	48.6%	Link
DGC	Hóa chất	111.7	1.20%	1.5	1,676	3.8	7,791	14.3	115,000	17.8%	Link
DCM	Phân bón	37.2	2.50%	1.0	778	2.4	2,917	12.8	38,700	7.3%	Link
GAS	Dầu khí	70.1	0.70%	0.4	6,488	1.4	4,728	14.8	-	1.8%	Link
PVS	Dầu khí	38.1	1.10%	1.0	720	2.5	1,919	19.9	57,000	21.4%	Link
PVD	Dầu khí	25.4	0.80%	1.4	557	2.9	1,211	20.9	38,400	12.5%	Link
POW	Dầu khí	11.8	2.20%	0.6	1,092	2.8	597	19.8	17,100	3.7%	Link
VHC	Thủy sản	72.1	1.50%	1.3	639	3.1	3,814	18.9	108,500	28.8%	Link
GMD	Logistics	64.5	0.90%	0.8	1,055	2.5	4,315	14.9	90,400	36.8%	Link
VNM	Bán lẻ	65.8	0.50%	0.4	5,433	6.7	4,591	14.3	93,100	51.8%	Link
MSN	Bán lẻ	74.2	1.50%	1.0	4,435	18.4	898	82.7	110,000	24.7%	Link
MWG	Bán lẻ	65.6	0.00%	1.1	3,789	14.0	2,028	32.3	-	47.7%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.3	0.90%	1.1	1,259	2.6	5,960	15.8	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	43.8	4.30%	1.8	376	2.6	1,809	24.2	66,600	23.5%	Link
FPT	Bán lẻ	134.6	1.50%	1.1	7,823	9.6	5,129	26.2	107,900	46.0%	Link
CTR	Hạ tầng	125.1	0.50%	1.5	565	2.7	4,640	27.0	-	9.6%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	26.4	1.30%	1.0	3,038	6.4	4,461	5.9	1.6	17.9%	27.8%
VIB	Ngân hàng	18.6	0.50%	1.2	2,189	4.5	2,412	7.7	1.4	4.2%	21.4%
TPB	Ngân hàng	17.0	2.40%	1.4	1,769	8.1	1,840	9.2	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	12.0	2.10%	1.0	1,238	4.1	1,687	7.1	0.9	28.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	19.4	0.80%	0.7	1,431	7.0	1,447	13.4	1.5	3.3%	9.9%
HCM	Chứng khoán	29.4	1.70%	1.7	838	9.8	1,409	20.9	2.1	45.3%	10.6%
VCI	Chứng khoán	35.0	2.50%	1.5	793	9.6	1,419	24.6	2.3	18.3%	9.6%
VND	Chứng khoán	14.7	2.40%	1.5	884	4.3	1,503	9.8	1.1	12.3%	15.0%
BSI	Chứng khoán	48.4	1.60%	1.9	427	0.6	1,732	27.9	2.2	40.1%	9.3%
SHS	Chứng khoán	14.2	1.40%	1.7	456	2.8	1,178	12.1	1.0	4.5%	10.5%
CTD	Xây dựng	68.4	2.50%	1.5	270	4.5	3,361	20.4	0.8	49.0%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.4	2.20%	1.5	196	0.9	835	13.7	0.6	7.9%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.6	1.90%	1.5	80	0.4	825	12.8	0.8	2.1%	5.7%
SZC	Xây dựng	41.3	7.00%	1.1	294	15.0	1,572	26.3	2.5	3.0%	12.1%
SIP	Xây dựng	79.1	6.90%	1.3	658	5.6	5,635	14.0	3.9	2.4%	29.0%
PHR	BĐS KCN	56.5	3.70%	0.9	302	0.9	2,858	19.8	2.0	18.1%	12.1%
DIG	BĐS	21.0	-0.20%	1.7	507	6.5	135	156.3	1.7	5.0%	1.1%
CEO	BĐS	15.2	1.30%	1.9	324	1.5	316	48.1	1.4	5.2%	2.1%
KBC	BĐS KCN	28.8	6.90%	1.6	875	23.1	549	52.5	1.2	19.3%	1.7%
VGC	BĐS KCN	42.8	7.00%	1.4	758	5.9	1,312	32.6	2.3	3.7%	8.2%
GVR	BĐS KCN	33.8	5.10%	1.6	5,334	6.7	851	39.7	2.6	0.4%	6.5%
NKG	BĐS KCN	21.4	2.20%	1.5	222	3.8	1,736	12.3	1.0	7.6%	7.4%
BMP	Vật liệu	132.0	1.40%	1.1	427	0.5	12,420	10.6	3.7	85.2%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.6	3.00%	1.4	202	0.9	729	18.6	1.0	4.9%	6.0%
DXG	BĐS	16.9	0.90%	1.5	481	11.7	197	85.8	1.1	18.3%	1.9%
VRE	Bất động sản	18.0	1.70%	1.3	1,620	2.1	1,795	10.1	1.0	21.2%	11.9%
PDR	Bất động sản	21.3	0.70%	1.8	735	3.3	500	42.6	1.7	7.5%	5.0%
DIG	Bất động sản	21.0	-0.20%	1.7	507	6.5	135	156.3	1.7	5.0%	1.1%
HUT	Xây dựng	16.2	0.00%	0.9	571	1.1	75	215.5	1.7	1.6%	1.7%
C4G	Xây dựng	8.4	1.20%	1.0	-	0.1	573	14.7	0.8	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	36.7	3.10%	1.7	160	1.5	2,122	17.3	2.8	2.3%	15.2%
DHC	Hóa chất	35.5	1.40%	1.0	113	0.1	3,330	10.7	1.5	39.3%	13.3%
DRC	Cao su	28.4	1.80%	0.8	133	1.2	2,259	12.6	1.8	9.9%	16.5%
PC1	Điện	27.4	1.30%	1.1	337	2.8	1,511	18.1	1.6	13.2%	6.1%
HDG	BĐS	27.8	0.50%	1.4	369	2.4	2,116	13.1	1.5	15.1%	11.8%
GEX	Điện	20.2	2.50%	1.6	686	3.4	1,207	16.7	1.3	7.0%	7.0%
QTP	Điện	13.7	0.00%	0.6	-	0.2	1,500	9.1	1.2	1.0%	11.2%
PLX	O&G	40.2	0.20%	0.7	2,016	0.9	2,350	17.1	2.0	17.7%	13.8%
BSR	O&G	21.4	2.40%	1.0	-	2.0	966	22.2	1.2	0.0%	13.4%
PLC	O&G	20.7	2.00%	1.4	66	0.0	611	33.9	1.4	0.3%	4.7%
ANV	Thủy sản	34.6	3.60%	1.3	182	5.1	315	109.7	1.6	1.2%	1.2%
PTB	Gỗ	62.9	2.80%	1.1	166	0.4	4,944	12.7	1.5	24.4%	11.9%
VSC	Logistics	17.0	2.70%	1.3	193	1.2	737	23.1	1.2	2.2%	7.3%
HAH	Logistics	44.5	1.50%	1.0	213	5.6	3,571	12.5	1.8	10.3%	10.6%
DBC	Logistics	28.0	1.50%	1.6	370	6.5	1,604	17.4	1.4	9.5%	5.0%
FRT	Bán lẻ	172.5	0.90%	0.8	929	1.3	775	222.7	13.0	37.4%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.0	0.00%	0.5	-	0.9	6,553	7.5	1.9	12.0%	28.7%
TNG	Dệt may	25.6	2.40%	1.1	124	3.6	2,427	10.5	1.7	17.0%	14.7%
PVT	O&G	28.1	2.40%	1.0	395	1.4	3,130	9.0	1.3	12.8%	14.2%
DPM	Phân bón	34.0	1.50%	1.1	525	1.3	1,700	20.0	1.2	7.9%	5.5%
REE	Tiện ích	63.9	0.50%	1.1	1,189	1.7	3,860	16.6	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024			Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
10	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
12	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
13	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660